

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2025
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - Ông Trương Phước Công;
 - Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Long - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 627/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1019/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết P, sinh năm 1997; địa chỉ: số E, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Công D, sinh năm 1991; địa chỉ: số E, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P trình bày, bà P và ông D do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C. Trong thời gian chung

sống, vợ chồng không có con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng lo ăn chơi, không lo làm ăn, không phụ giúp tạo kinh tế gia đình, vấn đề tài chính gia đình. Bà P và ông D không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2024 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà P yêu cầu ly hôn với ông D; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là Tờ tự khai của bà Nguyễn Thị Tuyết P (bản chính); Giấy kết hôn số 55 ngày 25/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Lê Công D (bản sao).

- Bị đơn ông Lê Công D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết P có đơn yêu cầu được vắng mặt xét xử và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết P đối với ông Lê Công D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Tuyết P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Công D. Đồng thời, ông D cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Tuyết P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Lê Công D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông D theo quy định khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Tuyết P khai, bà P và ông D do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông D là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà P xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng ăn chơi, không lo làm ăn phụ giúp tạo kinh tế gia đình và không còn sống chung với nhau từ thời gian đó cho đến nay, không tới lui thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà P và ông D bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau và không còn sống chung từ đầu năm 2024 đến nay. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông D nhưng ông D không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà P. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà P và ông D là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà P xác định, trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết P.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết P được ly hôn với ông Lê Công D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 55, ngày 25/5/2020 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị Tuyết P và ông Lê Công D không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Tuyết P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023506 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 10 năm 2024; bà Nguyễn Thị Tuyết P đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Công D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết, bà Nguyễn Thị Tuyết P, ông Lê Công D có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm